

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST**  
**Ngày 28/6/2022**  
**V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

***Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.**

**Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Khắc Thái.**

**- Ông Nguyễn Văn Phiếu.**

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.**

Ngày 28/6/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 01/06/2022 về việc “Ly hôn”, giữa:

***Nguyên đơn:***Chị Bùi Ánh P, sinh năm 1998.

***Địa chỉ:*** Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

***Nghề nghiệp:*** Lao động tự do.

***Bị đơn:*** Anh Lê Văn H, sinh năm 1995.

***Địa chỉ:*** Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Chị P và anh H đều có đơn đề nghị xử vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 17/2/2022, bản tự khai ngày 28/2/2022 và đơn đề nghị xử vắng mặt ngày 12/04/2022 chị P trình bày:

***1. Về quan hệ hôn nhân:***Chị và anh H đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2021 tại UBND xã Q, huyện N trên cơ sở tự nguyện, nhưng hai bên gia đình chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung

với nhau được hơn 1 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh H không chăm lo đến hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 01 năm 2022, vợ chồng anh H, chị P lại tiếp tục xảy ra va chạm nên anh H đã chuyển về nhà mẹ đẻ sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự sâu sắc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

2. *Về con chung*: Vợ chồng chị không có con nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

**Ý kiến anh H:** Tại đơn đề nghị về việc giải quyết vụ án ngày 21/3/2022 cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt trên dấu bưu điện ngày 28/5/2022, anh H trình bày quan điểm như sau:

1. *Về hôn nhân*: Anh và chị P kết hôn với nhau vào ngày 15/4/2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q là hôn nhân tự nguyện, trong quá trình chung sống được hơn 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 01 năm 2022, anh và chị P lại xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị P xin ly hôn anh, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị P.

2. *Về con chung*: Anh H và chị P không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. *Về tài sản chung, về công nợ chung*: Anh H và chị P không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án*: Các tài liệu chứng cứ chị P đã nộp cho Tòa án gồm có: 01 Đơn khởi kiện; 01 Giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao CCCD bản sao; 01 bản sao CMND; 02 bản sao sổ hộ khẩu; 01 Biên lai thu tiền tạm ứng án phí. Anh H không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ chị P đã nộp cho Tòa án.

Vì điều kiện công việc thời gian tới, anh H phải đi làm xa và do dịch bệnh phức tạp đi lại rất khó khăn nên anh không đến Tòa án giải quyết được. Anh xin vắng mặt ở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Anh không yêu cầu Tòa án hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử

vắng mặt anh ở các phiên Tòa. Các ý kiến về việc giải quyết đơn khởi kiện của chị P với anh, anh giữ nguyên không thay đổi.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa chị Bùi Ánh P và anh Lê Văn H. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*1. Về thủ tục tố tụng:* Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Bùi Ánh P. Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Đến ngày 01/6/2022 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*2. Về quan hệ hôn nhân:* Từ lời khai của đương sự từ kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Chị Bùi Ánh P và anh Lê Văn H kết hôn với nhau vào ngày 15/4/2021 tại UBND xã Q trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm. Trên thực tế, từ tháng 01 năm 2022 sau khi xảy ra mâu thuẫn thì anh H đã chuyển về nhà mẹ đẻ sống, hai vợ chồng đã ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Từ thực tế cuộc sống của vợ chồng chị P đã xác định giữa hai người không có sự gắn kết về tình cảm vợ chồng chỉ mang danh nghĩa pháp lý chứ không tồn tại trên thực tế. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để chấm dứt cuộc hôn nhân không hạnh phúc, không có sự ràng buộc nào, để hai bên ổn định cuộc sống.

*2. Về con chung:* Vợ chồng chị P và anh H không có con chung nên không giải quyết.

*3. Về tài sản chung, về công nợ chung:* Vợ chồng chị P không có tài sản chung nên không giải quyết.

*4. Về án phí:* Chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Áp dụng:* Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 5, 227, 228, 266, khoản 1 Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Ánh P. Xử lý hôn giữa chị Bùi Ánh P và anh Lê Văn H.

2. *Về án phí ly hôn:* Chị P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp tại biên lai thu số AA/2022/0003532 ngày 24/ 2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, chị P và anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Q;
- Dương sự;
- Lưu/.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Hà Minh Lực***



